TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THIỆU HÓA
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 11/2019/DS-ST
Ngày: 08-10-2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Đạt –Thẩm phán.
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Dũng Tấn.
2. Ông Lê Minh Nhân.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Thu– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa tham gia phiên tòa*:** Không.

Ngày 08 tháng 10 năm 2019; tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, Toà án nhân dân huyện Thiệu Hóa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 22/2019/TLST - DS ngày 20/9/2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST - DS ngày 20/9/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị K, sinh năm 1984;
Địa chỉ: T2, xã TV, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa;
Vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn*: Bà Phạm Thị Y, sinh năm 1967;
Địa chỉ: T2, xã TV, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa;
Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 12/8/2019 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị K trình bày:

Do có mối quan hệ là người cùng thôn giữa nguyên đơn và bà Phạm Thị Y nên ngày 07/8/2018 dương lịch, chị Lê Thị K có cho bà Phạm Thị Y vay số tiền 35.000.000đ(Ba mươi lăm triệu đồng) với lãi suất 2% tháng, bà Y đã trả đủ lãi cho chị K đến ngày 07/01/2019; Ngày 15/03/2019 bà Y đã trả cho được 5.700.000đ(Năm triệu bảy trăm nghìn đồng), số tiền gốc còn lại là 29.300.000đ(Hai mươi chín triệu ba trăm nghìn) chị K yêu yêu cầu bà Y phải trả tiền mặt cho chị và yêu cầu tính tiền lãi trên nợ chưa trả theo quy định của pháp luật kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 26/8/2019 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là bà Phạm Thị Y công nhận ngày 07/8/2019 có vay của

nguyên đơn 35.000.000đ(Ba mươi lăm triệu đồng) với lãi suất 02% tháng, đã trả lãi đến ngày 07/01/2019 và ngày 15/03/2019 bà Y đã trả cho được 5.700.000đ (Năm triệu bảy trăm nghìn đồng), sau đó hai bên thỏa thuận không lấy lãi nữa, bà Y có hỗ trợ chị K hàng tháng mua hàng tạp hóa nhà bà Y bà Y không tính. Số tiền nợ gốc còn lại 29.300.000đ(Hai mươi chín triệu ba trăm nghìn) do khó khăn bà chưa trả được bà đề nghị trả dần mỗi tháng 2.000.000đ(Hai triệu đồng) cho đến khi hết nợ và đồng ý trả lãi hàng tháng cho chị K theo lãi suất quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Lê Thị K đã nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử, tuy nhiên chị có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị K.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị K thấy rằng: Căn cứ vào giấy vay tiền có nội dung thể hiện như sau: " Người vay tiền ký tên là Phạm Thị Y, có vay của cháu K số tiền là 35.000.000đ(Ba mươi lăm triệu đồng) 15/03/2019 đã trả cho được 5.700.000đ(Năm triệu bảy trăm nghìn đồng)". Xét giấy vay tiền được xác lập theo điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, có nội dung phù hợp không trái đạo đức xã hội, được hai bên thừa nhận; nên Hội đồng xét xử nhận định văn bản giấy vay tiền giữa chị K và bà Y là hợp pháp, là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Chị K nộp cho Tòa án 02 giấy vay tiền có nội dung như nhau tuy nhiên không đề ngày viết giấy vay, có 01 giấy thể hiện việc trả lãi là 02%/ năm, tuy nhiên các bên thừa nhận đã trả lãi cho nhau là 02% tháng và đã trả lãi từ ngày vay là 07/8/2019 đến ngày 07/01/2019 việc trả lãi này cao hơn mức quy định của pháp luật cho phép theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, tuy nhiên thời gian trả lãi ngắn, số tiền chênh lệch ít, bà Y cũng không yêu cầu tính toán và cũng một thời gian dài từ ngày 07/01/2019 đến nay hai bên thống nhất không tính lãi nên không xem xét về phần trả lãi vượt so với quy định theo thỏa thuận của các bên là phù hợp. Nên buộc bà Y phải trả số tiền nợ vay gốc còn lại là 29.300.000đ (Hai mươi chín triệu ba trăm nghìn) cho chị K.

[3]. Về yêu cầu trả khoản tiền lãi trên nợ chưa trả theo quy định của pháp luật kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật: Thấy rằng, hợp đồng vay của các bên có thỏa thuận lãi suất được hai bên thừa nhận, yêu cầu của chị K phù hợp với quy định của pháp luật, có lợi cho bà Y trong việc trả lãi, chị K chỉ tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, một thời gian hai bên không tính lãi, nay chị K lại yêu cầu tính lãi nên xác định việc trả lãi theo lãi suất 10%/năm cũng phù hợp với mức lãi suất mà pháp luật cho phép theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận toàn bộ.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu của chị K được chấp nhận nên bà Y phải chịu toàn bộ tiền án phí Dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho chị K. Chị K được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 463, Điều 466; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6; Điều 9, Điều 18; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Phạm Thị Y trả cho chị Lê Thị K 29.300.000đ(Hai mươi chín triệu ba trăm nghìn).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị K có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền phải trả cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bà Y còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

2. Về án phí: Bà Phạm Thị Y phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 1.465.000đ *(Một triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn đồng)*. Trả lại cho chị Lê Thị K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 732.500đ *(Bảy trăm ba mươi hai nghìn năm trăm đồng)* theo biên lai thu tiền số AA/2017/0005556 ngày 20/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bà Y có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- Tòa án Nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Văn Đạt